



giảm phiền hà, xây dựng chính sách bảo hiểm rủi ro tiền gửi và các chính sách khuyến khích khác nhằm thu hút tiềm lực tài chính còn khá lớn trong các thành phần kinh tế và dân cư. Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư nước ngoài, hạn chế vay vốn ngắn hạn lãi suất cao. Tranh thủ thu hút nguồn tài trợ phát triển chính thức (ODA) đa phương và song phương. Sự thiếu hụt vốn đầu tư trong nước cần được bổ sung chủ yếu bằng nguồn FDI, cân nhắc và sử dụng nguồn vốn cho vay ngắn hạn một cách thận trọng, kể cả nguồn ODA. Việc huy động các

Nhằm đảm bảo phục vụ mục tiêu chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế, thực hiện có hiệu quả chính sách tài chính - tiền tệ quốc gia, tạo động lực thúc đẩy nền kinh tế phát triển, việc mở rộng và phát triển nguồn vốn đầu tư là hết sức quan trọng và bức thiết. Tuy nhiên để có thể vừa gia tăng nguồn lực tài chính của đất nước, kích thích tăng trưởng kinh tế, vừa ngăn chặn lạm phát, ngăn chặn áp lực của sự gia tăng nợ nước ngoài, việc định hướng đúng đắn quá trình huy động vốn và sử dụng vốn đầu tư cho nền kinh tế có một ý nghĩa hết sức quan trọng.

Trong giai đoạn hiện nay và những năm tới cần huy động mọi nguồn vốn trong và ngoài nước trong đó nguồn vốn trong nước là chính để bù đắp thiếu hụt ngân sách và cho đầu tư phát triển. Bằng nhiều hình thức, thời gian qua ngành tài chính - ngân hàng đã tích cực huy động vốn song vẫn chưa đáp ứng yêu cầu của sự phát triển lành mạnh nền kinh tế. Trong bối cảnh diễn ra cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ trong khu vực, việc huy động vốn cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội gặp khó khăn hơn do nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào nước ta bị thu hẹp. Số vốn đầu tư thuộc nguồn vốn

ĐỊNH HƯỚNG HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG VỐN PHỤC VỤ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN Ở VIỆT NAM

PGS.PTS. DƯƠNG THỊ BÌNH MINH

ngân sách nhà nước còn hạn hẹp, môi trường kinh tế vĩ mô chưa thực sự ổn định vững chắc: thu nhập bình quân đầu người và tỷ lệ tiết kiệm còn thấp, lạm phát, tỷ giá ngoại tệ, lãi suất chưa ổn định... đã hạn chế khả năng huy động vốn và việc mở rộng quy mô thị trường vốn. Thực tế đòi hỏi càng phải nhất quán quan điểm: Huy động mọi nguồn lực trên cơ sở phát huy nội lực và thu hút các nguồn lực bên ngoài, khai thác tối đa các nguồn vốn nhân rồi trong xã hội, đặc biệt nguồn vốn nhân rồi trong dân cư để hỗ trợ phát triển năng lực sản xuất, thúc đẩy sản xuất kinh doanh - xuất khẩu phát triển, giải quyết việc làm cho người lao động, tăng sản phẩm xã hội, tăng thu nhập của dân cư trên cơ sở đó tăng thu ngân sách nhà nước. Thực

hiện chính sách động viên công bằng hợp lý để vừa tập trung được nguồn thu cho ngân sách nhà nước, vừa tăng tích tụ vốn cho các thành phần kinh tế, khuyến khích đầu tư, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế theo phương châm: "dân giàu, doanh nghiệp và người sản xuất giàu, tài chính nhà nước mạnh".

Thông qua các chính sách khuyến khích đầu tư phát triển và mở rộng thị trường, tăng nhanh mức huy động vốn dưới nhiều hình thức: thuế, tiền gửi tiết kiệm dài hạn, phát hành trái phiếu, cổ phiếu kể cả phát hành trái phiếu chính phủ ra thị trường vốn quốc tế, mở rộng các quỹ đầu tư và các hình thức huy động nguồn vốn nước ngoài. Nhanh chóng cải cách thủ tục hành chính,

nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước để đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển văn hóa - xã hội phải tuân thủ các quy định của pháp luật, tự nguyện của nhân dân và thực hiện công khai hóa mức huy động, khối lượng đã huy động và việc sử dụng nguồn vốn huy động cho từng mục tiêu cụ thể. Việc huy động sức dân thái quá bằng những chế tài tự phát ngoài vòng kiểm soát của pháp luật chính là sự tước đoạt thu nhập chính đáng của công chúng và đi ngược lại chủ trương bồi dưỡng sức dân. Do vậy cần hình thành quy chế huy động toàn dân đóng góp xây dựng phát triển kinh tế, đặc biệt trong xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng ở nông thôn, làng xã; làm rõ nguyên tắc, tính pháp lý trong huy động và sử dụng các khoản thu đóng góp của

dân kể cả huy động bằng tiền và huy động sức dân một cách công bằng, phù hợp với mức thu nhập của các tầng lớp dân cư. Từ đó thiết lập các quỹ do dân tự quản và đặt chúng dưới sự giám sát của chính quyền trên cơ sở của việc quản lý công khai, chặt chẽ, rõ ràng minh bạch, sử dụng các quỹ đó một cách tiết kiệm và hiệu quả.

Đa dạng hóa các hình thức huy động và đầu tư vốn như liên doanh, liên kết, phát hành trái phiếu, cổ phiếu, góp quỹ bảo hiểm, các quỹ đầu tư... tạo hành lang pháp lý rõ ràng cho việc huy động vốn và các nguồn nhân lực trong dân cho đầu tư phát triển. Nhằm tạo ra khả năng huy động vốn cho đầu tư phát triển, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp:

- Thực hành triệt để chính sách tiết kiệm ở tất cả các khu vực. Cải tiến, nâng cao nghiệp vụ thanh toán, đa dạng hóa các hình thức thanh toán qua ngân hàng. Mở rộng mạng lưới chi nhánh ngân hàng thương mại tại các đô thị và nông thôn, đưa các tiện ích dịch vụ ngân hàng đi sâu vào đời sống công chúng. Mở rộng hoạt động thu hút tiền gửi tiết kiệm qua hệ thống ngân hàng và các tổ chức tín dụng, qua hệ thống bưu điện... tạo điều kiện tập trung nhanh các khoản tiền tiết kiệm, tiền nhàn rỗi trong xã hội thành vốn đầu tư cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Thu hút tiền nhàn rỗi vào ngân hàng trên cơ sở hạ lãi suất tiền gửi không kỳ hạn, áp dụng gửi tiền một nơi có thể rút ở nhiều nơi. Phát triển việc nhận và trả tiền gửi tiết kiệm tại nhà theo yêu cầu của khách hàng qua điện thoại (thu dịch vụ phí thấp), áp dụng thể thức tiết kiệm dài hạn trả lãi hàng tháng, đáp ứng yêu cầu của khách hàng muốn tránh rủi ro khi mang tiền trên đường cũng như đảm bảo cuộc sống hàng tháng của họ. Chuyển hình thức huy động tiết kiệm ngắn hạn sang dài hạn để thực hiện định hướng tăng trưởng

vốn tín dụng dài hạn.

- Tiếp tục cải cách hệ thống ngân hàng cả về thể chế luật pháp, tổ chức hoạt động và quản lý nhằm mở rộng và phát triển có hiệu quả thị trường vốn ngắn hạn (thị trường tiền tệ), tạo điều kiện cho việc hình thành và phát triển thị trường vốn dài hạn, đặc biệt là thị trường mua bán các loại trái phiếu, cổ phiếu. Xúc tiến việc thành lập trung tâm mua bán trái phiếu, cổ phiếu tạo tiền đề cho việc hình thành thị trường chứng khoán.

- Có chính sách phát triển đa dạng hóa các loại định chế tài chính trung gian với đầy đủ các dạng thị trường vốn, tạo nhiều kênh cung ứng vốn cạnh tranh với hệ thống ngân hàng thương mại.

- Phát triển các công ty cổ phần, nhất là các công ty cổ phần đại chúng có phát hành cổ phiếu, trái phiếu, đẩy mạnh hơn nữa quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, đẩy mạnh việc sắp xếp các doanh nghiệp nhà nước nhằm đảm bảo tính hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

- Đẩy nhanh quá trình thị trường hóa các tiềm lực tài chính trong nước, chủ động phát triển thị trường bất động sản có tổ chức, tăng khả năng giao lưu vốn trên thị trường vốn để đạt các mục tiêu huy động vốn trung và dài hạn phục vụ

phát triển kinh tế.

- Sớm ban hành khung pháp lý cho thị trường chứng khoán VN. Xây dựng khuôn khổ luật pháp để tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho việc hình thành và phát triển các định chế tài chính trung gian đặc biệt là các quỹ đầu tư, các công ty tài chính, tín dụng thuê mua nhằm tạo ra các nguồn vốn đầu tư tập trung lớn để cung cấp cho thị trường vốn.

- Tạo điều kiện cho thị trường trái phiếu kho bạc phát triển trên cơ sở chú ý các điều kiện và giải pháp sau:

. Nền kinh tế phải đảm bảo duy trì được tốc độ tăng trưởng 9 - 10%/năm để tạo ra nhu cầu vốn đầu tư thực sự, trên cơ sở đó mới đảm bảo được sự ổn định của đồng tiền, trước hết là sức mua trong nước, sau đó là tỷ giá hối đoái, từng bước nâng cao giá trị của đồng VN.

. Cải tiến cơ chế chính sách để nâng cao hiệu quả huy động vốn, khai thác tối đa nguồn vốn nhàn rỗi trong nước, đặc biệt chú trọng nguồn vốn nhàn rỗi trong dân cư. Phấn đấu đến năm 2000, tổng số vốn huy động dưới hình thức trái phiếu kho bạc phải đạt khoảng 10 - 15% GDP, tương đương với 25 - 30% nguồn vốn nhàn rỗi trong nước. Trong đó cần tập trung:

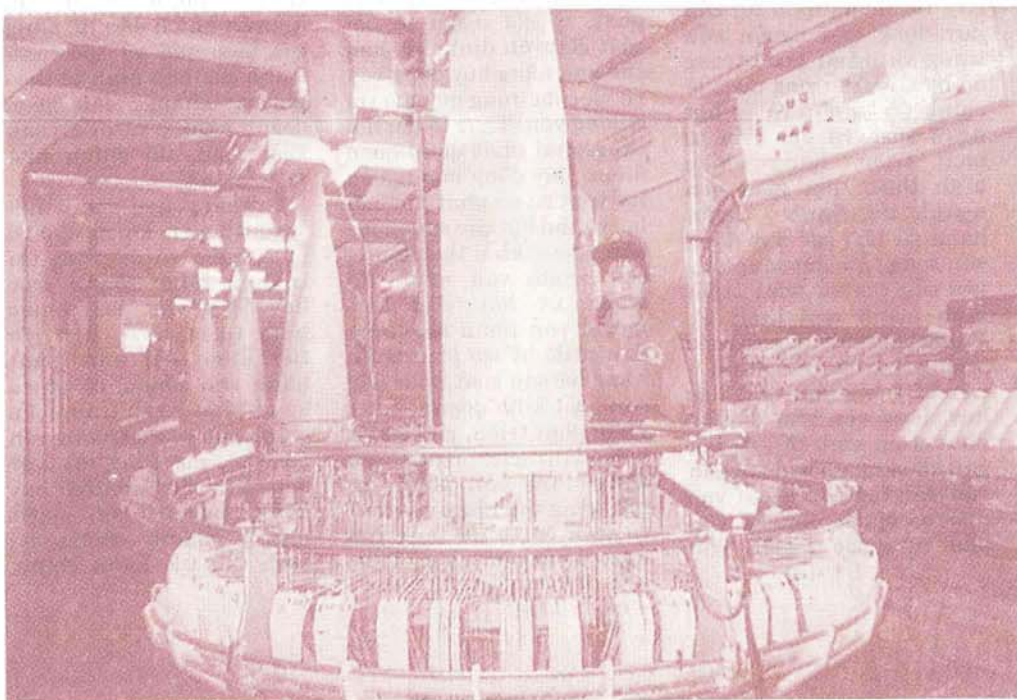
+ Phát hành các loại

trái phiếu kho bạc có kỳ hạn thích hợp, đảm bảo sự hài hòa giữa nhu cầu sử dụng vốn của ngân sách nhà nước và lợi ích của người mua trái phiếu. Đa dạng hóa các công cụ huy động vốn dưới hình thức trái phiếu chính phủ, xây dựng các trung tâm giao dịch - mua bán và chiết khấu các loại trái phiếu chính phủ, cổ phiếu doanh nghiệp nhà nước; dựa trên cơ chế mua bán, chiết khấu các loại trái phiếu, cổ phiếu tạo tiền đề để kho bạc nhà nước tiến tới phát hành chủ yếu loại trái phiếu trung và dài hạn (5 - 10 năm) nhằm nâng cao khả năng giao lưu về vốn trong nền kinh tế.

+ Tiếp tục duy trì và mở rộng thị trường đầu thầu trái phiếu kho bạc qua ngân hàng nhà nước: Mở rộng các loại kỳ hạn trong một phiên đấu thầu, căn cứ vào khối lượng vốn cần huy động để xác định lãi suất trúng thầu cho phù hợp.

+ Có cơ chế huy động vốn cho các công trình trọng điểm của nền kinh tế có vốn đầu tư lớn; vừa đảm bảo tôn trọng các quyền lợi kinh tế cơ bản, vừa động viên được sự đóng góp tự nguyện của các tầng lớp dân cư, các cơ quan, các đơn vị trong toàn xã hội cùng tham gia xây dựng đất nước phù hợp với điều kiện và khả năng của mình.

. Xác định chính xác các công trình và doanh nghiệp có điều kiện và khả



năng sử dụng hiệu quả nguồn vốn huy động qua phát hành trái phiếu ra thị trường vốn quốc tế. Tính toán kỹ các điều khoản và điều kiện của trái phiếu, hoàn thiện phương án phát hành, lựa chọn thị trường và thời điểm phát hành thuận lợi nhằm đạt kết quả cao trong đợt phát hành đầu tiên.

Để tăng cường tính pháp lý và khả năng thực thi trong quá trình triển khai cần kế hoạch hóa việc phát hành trái phiếu phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Thay hình thức bán lẻ trái phiếu của kho bạc nhà nước bằng hình thức đấu thầu trái phiếu qua hệ thống ngân hàng.

- Quản lý chặt chẽ vay nợ nhà nước trên cơ sở việc huy động các nguồn vốn vay trong nước, ngoài nước phải tính đến hiệu quả khi sử dụng vốn để trả được nợ khi đến hạn. Cùng với việc ban hành quy chế bảo lãnh của chính phủ, thực hiện chính sách kiểm soát chặt chẽ các khoản vay mới, sử dụng có hiệu quả vốn vay, gắn nghĩa vụ trả nợ với quản lý sử dụng vốn vay theo nguyên tắc:

+ Chỉ vay cho các dự án khi xác định được hiệu quả sử dụng.

+ Đối với ngân sách nhà nước phải tạo ra nguồn thu ngân sách bằng nội tệ đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ nước ngoài và ổn định chi ngân sách nhà nước.

+ Đối với nền kinh tế phải tạo ra khả năng về ngoại tệ để trả nợ nước ngoài tránh tình trạng nợ quá hạn.

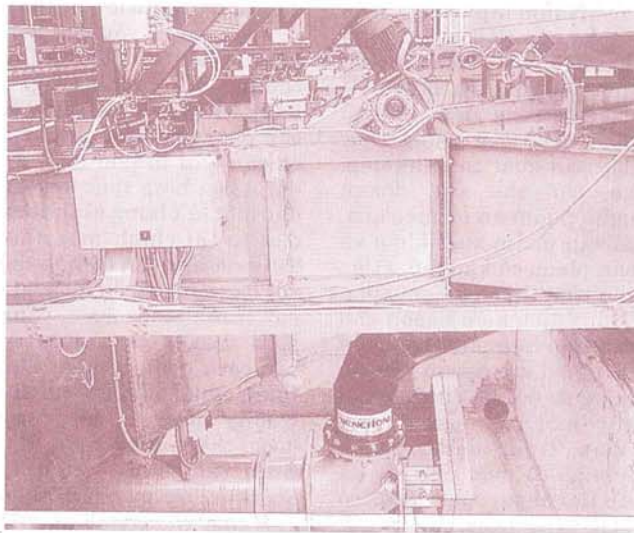
+ Đối với vay nước ngoài của doanh nghiệp dưới bất kỳ hình thức nào thì trách nhiệm trả nợ phải hoàn toàn thuộc về các doanh nghiệp ký vay và các cơ quan bảo lãnh có liên quan.

Để thu hút nguồn tài trợ phát triển chính thức ODA, trước mắt cần hướng vào:

+ Ban hành hệ thống các văn bản pháp luật hoàn chỉnh, đồng bộ, rõ ràng phù hợp với thông lệ quốc tế và

tình hình cụ thể ở VN, có hiệu lực cao về quản lý nợ nước ngoài của VN, tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động vay và trả nợ nước ngoài phù hợp với chiến lược vay nợ nước ngoài trung và dài hạn.

+ Xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan trong từng khâu tiếp nhận, phân bổ, quản lý, sử dụng ODA, nâng cao hiệu quả sử dụng ODA; tăng cường trách nhiệm của hội đồng thẩm định dự án, đẩy nhanh tiến độ phê duyệt dự án đầu tư, có phương án bố trí vốn đối ứng chắc chắn mới đưa vào kế hoạch sử



dụng ODA. Nâng cao chất lượng và tính khả thi của dự án, tập trung nguồn ODA chủ yếu cho việc xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nâng cao trình độ khoa học công nghệ và quản lý, đồng thời dành một phần đầu tư cho các ngành nông, lâm, ngư, sản xuất hàng tiêu dùng.

+ Hoàn thiện cơ chế là tổ chức tư vấn, quản lý vay và trả nợ nước ngoài, quản lý các nguồn vốn hỗ trợ chính thức ODA nhằm đảm bảo giải ngân kịp thời và kiểm soát được mọi khoản vay nợ, viện trợ nước ngoài. Hoạch định và thực hiện chiến lược vay, trả nợ nước ngoài trong giai đoạn mới trong đó xác định rõ: cơ cấu nợ, mức trần an toàn vay nợ và hình thành quỹ trả nợ quốc gia để chủ động

trong việc thu hồi vốn cho vay lại, bố trí vốn trả các khoản nợ đến hạn để tổ chức quản lý nợ nước ngoài có hiệu quả. Phấn đấu đến năm 2000 cân bằng số vay và số trả hàng năm về nợ gốc của chính phủ, không làm tăng tỷ lệ so với GDP về nợ của chính phủ và doanh nghiệp.

- Xây dựng cơ chế quản lý tài chính nhà nước đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, bảo đảm nguyên tắc ổn định trong việc thực hiện các chính sách, nhất là chính sách thuế, cho phép phát hành cổ phiếu, trái phiếu

được mặt tiêu cực của đồng vốn tư bản nước ngoài, hạn chế sự tác động xấu của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ của khu vực Đông Á hiện nay, cần thực thi các giải pháp:

+ Phải có một chiến lược tài chính quốc gia hoàn chỉnh trong đó xác định rõ mục đích và chính sách huy động và sử dụng vốn nước ngoài vào việc đẩy mạnh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo hướng: huy động đủ vốn với các điều kiện vay, trả thuận lợi; vốn nước ngoài được sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả để đảm bảo khả năng trả nợ cho nước ngoài; vốn nước ngoài không có tác động xấu đến sự ổn định môi trường kinh tế vĩ mô và tính độc lập dân tộc.

+ Cần xác định đúng đắn giới hạn số lượng vốn huy động từ nước ngoài. Sử dụng vốn nước ngoài phải nghĩ đến khả năng tiếp nhận vốn của nền kinh tế, vì vậy phải thường xuyên xem xét giới hạn mắc nợ, nắm chắc số lượng, điều kiện mắc nợ để điều chỉnh ở tầm vĩ mô. Trong đó cần chú ý tới các chỉ tiêu sau:

* Chỉ tiêu tỷ suất mắc nợ: tỷ lệ giữa tổng số nợ và lãi của một nước phải trả cho nước ngoài với tổng giá trị sản lượng quốc dân nước đó một năm. Tỷ lệ này nhỏ cho thấy mức độ dựa vào vốn nước ngoài nhỏ, ngược lại tỷ lệ này lớn chứng tỏ khả năng tự lực cánh sinh của nước đó kém.

* Chỉ tiêu tỷ suất vay nợ: Là tỷ lệ giữa số dư mắc nợ còn lại sau khi trả nợ và lãi trong năm so với thu nhập ngoại tệ từ xuất nhập khẩu của nước ấy cùng năm. Chỉ tiêu này phản ánh khả năng vay nợ từ nay về sau lớn hay nhỏ do đó thu hút vốn nước ngoài không thể không xem xét chỉ tiêu này.

* Tỷ lệ giữa số lượng dự trữ ngoại tệ với hạn ngạch nhập khẩu mỗi năm, lượng dự trữ ngoại tệ mỗi nước để ứng phó những nhu cầu khẩn cấp của nhà nước. Khả năng vay nợ nhiều hay ít có liên quan chặt chẽ với lượng ngoại tệ lớn hay nhỏ.

bán cho các nhà đầu tư ngoài nước trong giới hạn cho phép để qua đó thu hút mạnh nguồn vốn FDI. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài cả trên hai phương diện: huy động nguồn tài chính cũng như tiếp nhận trình độ khoa học kỹ thuật cao của các nước nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nguồn vốn đầu tư nước ngoài trực tiếp dùng tập trung phát triển kinh tế vùng sâu, vùng xa, những nơi có tiềm năng nhưng trước mắt còn khó khăn, giải quyết việc làm và tạo ra một số ngành nghề mới; hướng vào các lĩnh vực, các sản phẩm và dịch vụ có công nghệ tiên tiến, có tỷ lệ xuất khẩu cao.

Đề có thể vừa phát huy mặt tích cực, vừa hạn chế

Các giải pháp nêu trên cho thấy việc thực hiện chiến lược quản lý nợ nước ngoài, cải thiện cơ chế tài chính đối với lĩnh vực đầu tư nước ngoài là nhằm tạo ra môi trường thuận lợi hơn để thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào VN. Bên cạnh đó cần phải quản lý chặt chẽ hơn nữa việc vay nợ và trả nợ nước ngoài của các doanh nghiệp và theo dõi chặt chẽ các khoản nợ đến hạn phải trả, dự tính mức biến động của tỷ giá để lập kế hoạch trả nợ, hạn chế và không để phát sinh nợ quá hạn. Ở VN hiện nay, mức tiết kiệm trong nước thấp: 16% GNP (cao gấp 2 lần so với năm 1990) và để tránh sự lệ thuộc quá mức vào nguồn vốn nước ngoài, đặc biệt là vào nợ nước ngoài cần phải nâng tỷ lệ tiết kiệm lên đến 30%.

Sử dụng nguồn vốn huy động trong và ngoài nước dưới nhiều hình thức khác nhau được hướng vào việc thực hiện đường lối chủ trương của Đảng, nhà nước về kinh tế - xã hội và hướng tới hệ thống các mục tiêu kinh tế vĩ mô, góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, tạo lập cơ cấu và các cân đối lớn trong nền kinh tế quốc dân, đặc biệt nguồn vay nước ngoài dành ưu tiên cho đầu tư vào các cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu. Trong nền kinh tế thị trường ở VN, vốn đầu tư cho nền kinh tế quốc dân bao gồm nhiều nguồn từ các thành phần kinh tế, song nguồn vốn từ ngân sách nhà nước có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế. Vốn đầu tư của ngân sách nhà nước chủ yếu được tập trung vào các lĩnh vực then chốt, quyết định và cần thiết cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Hiệu quả đầu tư vốn ngân sách nhà nước phải gắn với hiệu quả kinh tế - xã hội, phải đảm bảo sự kết hợp kinh tế vĩ mô và vi mô, do vậy việc sử dụng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước phải vào đầu tư trực tiếp cho các dự án trọng điểm, vừa làm môi hỗ trợ để thực hiện việc thu hút vốn đầu tư của các thành

phần kinh tế, vừa góp phần hình thành các quỹ hỗ trợ đầu tư địa phương. Ưu tiên chi đầu tư phát triển nguồn nhân lực và khoa học - công nghệ gắn liền với việc thúc đẩy xã hội hóa giáo dục - đào tạo, y tế. Thực hiện chính sách hỗ trợ tài chính, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển trong sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn, miền núi, những vùng khó khăn; các công trình hạ tầng cơ sở không thu hồi được vốn, đảm bảo nhiệm vụ củng cố quốc phòng an ninh, ổn định xã hội; thực hiện công bằng xã hội, xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm cho người lao động.

Nhằm tập trung tối đa nguồn vốn đầu tư cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh thực sự có hiệu quả, vốn đầu tư trong nền kinh tế phải được tập trung thúc đẩy sản xuất công nghiệp, hỗ trợ cho các doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, có sản phẩm xuất khẩu và sản phẩm có khả năng tiêu thụ trên thị trường nội địa. Trong điều kiện nguồn vốn còn hạn hẹp phải lựa chọn ưu tiên dành nguồn vốn tín dụng ưu đãi để cho vay đối với một số ngành mũi nhọn, trọng điểm, doanh nghiệp có mức tích lũy và số thu ngân sách lớn, có khả năng tăng sản lượng. Khuyến khích xuất khẩu là một vấn đề có ý nghĩa lớn cả trước mắt và lâu dài nhất là khi chúng ta tham gia AFTA, hội nhập nền kinh tế khu vực và thế giới, vì vậy cần khuyến khích cho vay ưu đãi các ngành chế biến hàng nông lâm thủy sản xuất khẩu, mở rộng các hình thức và đối tượng bảo lãnh tín dụng xuất khẩu. Cho phép các doanh nghiệp đầu tư xuất khẩu được vay vốn ưu đãi của nhà nước. Bên cạnh ưu đãi về thuế, giá thuê đất, sử dụng các hình thức tín dụng để khuyến khích đầu tư phát triển trong các lĩnh vực: công nghiệp chế biến, sản xuất hàng xuất khẩu, đặc biệt ngành công nghiệp sản xuất những mặt hàng có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường thế giới, cần khuyến khích

các hình thức tự tài trợ tín dụng tại chỗ thông qua phát triển mạng lưới các quỹ tín dụng nông thôn, hợp tác xã tín dụng... cho phép các doanh nghiệp được mở rộng hình thức đầu tư trực tiếp đến hộ sản xuất theo hợp đồng cung ứng vốn và thu mua lại sản phẩm.

Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhu cầu về vốn cho tăng trưởng rất lớn, trong khi lại đòi hỏi phải có giải pháp phòng ngừa, xử lý đúng đắn những nhân tố tiềm ẩn bùng nổ lạm phát, hơn nữa trong điều kiện thị trường tài chính của VN còn sơ khai, mức tiết kiệm đầu tư trong nước còn thấp nên sức ép về vốn của nền kinh tế luôn dồn lên vai hệ thống tài chính, ngân hàng. Trong điều kiện đó cần phải xây dựng cho được cơ cấu đầu tư phù hợp, đa dạng hóa hình thức đầu tư, đặc biệt là những hình thức đầu tư tài chính mới như: tăng cường quan hệ hợp tác với các công ty đa quốc gia để tranh thủ được công nghệ nguồn cũng như tiếp cận cách quản lý hiện đại, thâm nhập nhanh vào thị trường quốc tế, mở rộng được thị trường mới. Bối cảnh tài chính - tiền tệ quốc tế lúc này cho thấy việc dựa vào các dòng vốn bên ngoài đang có chiều hướng giảm sút để phát triển kinh tế đất nước là không tương, do vậy việc kiện toàn, lành mạnh hóa hệ thống tài chính - ngân hàng để huy động và sử dụng mọi nguồn vốn trong và ngoài nước tốt hơn đặt ra hết sức bức bách. Cùng với việc xây dựng chính sách tài chính - tiền tệ quốc gia hướng mạnh vào tăng hiệu quả sử dụng mọi nguồn vốn trong và ngoài nước, hạn chế tiêu dùng xã hội để khuyến khích tiết kiệm và đầu tư, cần tập trung vốn cho khu vực, ngành sản xuất kinh doanh có lợi thế cạnh tranh cao. Phải thiết lập một hệ thống quan sát và thu thập dữ liệu có căn cứ khoa học để đánh giá khách quan chỉ số lạm phát, khả năng tạo tiền, làm cơ sở hoạch định

chính sách tiền tệ và chính sách lãi suất hợp lý - đảm bảo lãi suất trần khi ban hành không mâu thuẫn với chủ trương tiết kiệm và đầu tư trong nền kinh tế. Trần lãi suất không chỉ có giảm mà vẫn có thể tăng theo biến đổi của tình hình kinh tế - xã hội hóa lãi suất ngân hàng trên cơ sở tính toán các yếu tố liên quan: tỷ suất lợi nhuận bình quân, tỷ lệ lạm phát và quan hệ cung cầu tiền gửi, Lãi suất ngân hàng phải thực sự là công cụ hữu hiệu nhất trong điều hành chính sách tiền tệ và là đòn bẩy tích cực thúc đẩy các hoạt động tiết kiệm, tích lũy và đầu tư trong nền kinh tế. Các ngân hàng thương mại cần tập trung thu hút huy động các nguồn vốn thời hạn dài để đầu tư cho vay trung và dài hạn đối với các dự án có hiệu quả, từ đó tạo cho thị trường tiền tệ mở rộng và tín dụng phát triển, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh. Đồng thời chính phủ cần có chính sách thuế ưu tiên đối với việc các ngân hàng thương mại tập trung nguồn vốn đầu tư cho vay các dự án trung và dài hạn. Phân bổ nguồn tín dụng ưu đãi một cách thận trọng dựa trên chế độ hạch toán đáng tin cậy và chỉ dành cho các doanh nghiệp đã chứng tỏ được khả năng làm ăn có lãi và ổn định. Đối với các dự án đầu tư có hiệu quả kinh tế cao, thời gian thu hồi vốn tín dụng trung và dài hạn do hệ thống ngân hàng thương mại cần đối nguồn vốn. Những dự án đầu tư thuộc vùng sâu vùng xa, dự án có hiệu quả chưa cao, thời hạn thu hồi vốn dài thì chính phủ cần có chính sách ưu tiên để hỗ trợ các dự án này đảm bảo khả năng thu hồi vốn. Nên ghi vào kế hoạch nhà nước và dùng nguồn vốn ưu đãi lãi suất thấp để đầu tư, miễn giảm thuế trong 5 năm và có các chính sách khuyến khích khác đi kèm để khi dự án đi vào sản xuất phát huy được hiệu quả kinh tế và thu hồi được nợ ■